

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **262/2019/HS-ST**
Ngày 17 tháng 6 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Cẩm**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Doãn Đức**

Bà **Nguyễn Thị Nhạn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Kim Hải** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Quỳnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 182/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1984 tại Thanh Hóa.

Nơi đăng ký HKTT: Tổ 28, khu phố 2A, phường T, thành phố B, tỉnh Đ

Chỗ ở hiện nay: Tổ 28, khu phố 2A, phường T, thành phố B, tỉnh Đ

Nghề nghiệp: Xây dựng; Trình độ học vấn: 12/12; Chức vụ: Không;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Văn Sự (sinh năm: 1960) và con bà Phạm Thị Sơn (sinh năm 1961);

Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 05 anh em;

Có vợ tên Phạm Thị Mai (sinh năm 1983), có 02 con (nhỏ nhất sinh năm 2019, lớn nhất sinh năm 2017);

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” - (Bị cáo có mặt).

- Người bị hại: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: 217/21A/40, tổ 39A, khu phố 11A, phường T, thành phố B, tỉnh Đ - (Có đơn xin vắng mặt).

- **Người làm chứng:** Chị Hoàng Thị Thúy C, sinh năm: 1980 – (Vắng mặt)
Địa chỉ: 186/21/38, tổ 39, khu phố 11A, phường T, thành phố B, tỉnh Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2017, vợ chồng anh Hoàng Quốc M năm 1982 và chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991, ngụ số 217/21A/40 tổ 39A, khu phố 11A, phường T, thành phố B có vay của Nguyễn Văn T, sinh năm 1984, ngụ tổ 28, khu phố 2A, phường T, B số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Tuy nhiên, thời gian gần đây, T nhiều lần tìm gặp anh M đòi tiền nhưng do việc kinh doanh của anh M bị thua lỗ nên không có tiền trả cho T.

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 25/10/2018, T rủ Phan Mộng H, sinh năm 1977, ngụ 150 ấp 3, xã T, huyện C, tỉnh Đ (bạn của T) và một đối tượng tên T (bạn của H, không rõ họ tên, địa chỉ) chạy 02 xe mô tô đến nhà của anh M để đòi nợ. Khi đến nhà thì thấy vợ chồng anh M không có nhà, cửa nhà khóa, cửa cổng mở nên T, H, T đi vào trong sân. T gọi M nhưng không thấy ai, T nhặt 01 chiếc ghế tựa đơn bằng gỗ ở trong sân nhà anh M đập vỡ 09 tấm kính gắn trên hai cánh cửa chính, mỗi tấm có kích thước 0,26mx0,16m, dày 05 ly; 02 tấm kính gắn cửa sổ, mỗi tấm có kích thước 1,20mx0,5m, dày 03 ly; 01 camera nhãn hiệu THP Vision và gãy chiếc ghế Tỳ sử dụng đập phá tài sản. Sau khi đập phá tài sản, T, H, T điều khiển xe mô tô bỏ đi. Đến khoảng gần 20 giờ cùng ngày, chị L về nhà phát hiện tài sản bị đập phá hư hỏng nên đến Công an phường T trình báo sự việc. Công an phường T đã lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xử lý.

Vật chứng vụ án: 01 camera hiệu THP Vision bị vỡ; 02 mẫu kính vỡ (01 màu trà, 01 màu đen) là tài sản của chị Nguyễn Thị L, Cơ quan điều tra đã trả cho chị L.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 376/TCKH-HĐĐG ngày 29/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản thành phố B đã kết luận: “01 mắt camera hiệu THP Vision; 09 tấm kính màu đen, kích thước 0,26mx0,16m, tổng diện tích 0,3744 m²; 02 tấm kính màu trà, kích thước 1,20mx0,5m, tổng diện tích 0,6m² có tổng giá trị tài sản thiệt hại là 2.161.868 đồng (Hai triệu một trăm sáu mốt nghìn tám trăm sáu mươi tám đồng)”. Riêng chiếc ghế gỗ là tài sản đã qua sử dụng, không xác định được chủng loại, thời gian sử dụng, không đủ cơ sở định giá nên Hội đồng định giá không định giá.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị L không có yêu cầu bồi thường và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Đối với Phan Mộng H và đối tượng tên T đi cùng Nguyễn Văn T đến nhà anh M, do Cơ quan điều tra chưa làm việc được nên tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Tại Bản cáo trạng số 190/CT-VKSBH ngày 09 tháng 4 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Cố ý làm hư hỏng

tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng nêu. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 178; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 (phạm tội gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự) của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; áp dụng nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018, bị cáo có nghề nghiệp ổn định, nơi cư trú rõ ràng, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 10 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại đối với hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội là vào ngày 25/10/2018, do có mâu thuẫn từ trước, bị cáo đã có hành vi dùng 01 chiếc ghế tựa đơn bằng gỗ đập vỡ 09 tấm kính gắn trên hai cánh cửa chính, 02 tấm kính gắn cửa sổ, 01 camera nhãn hiệu THP Vision và gây chiếc ghế T sử dụng đập phá tài sản, tổng giá trị tài sản thiệt hại là 2.161.868 đồng.

[3] Về tội danh:

Xét thấy, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ để xác định hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn T đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, như Cáo trạng của Viện

Kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân, xâm phạm đến trật tự trị an xã hội tại địa phương. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương xứng để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người tốt cho xã hội, có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào theo Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự, được bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo, trên cơ sở phục vụ công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm và tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm trở thành người công dân có ích cho xã hội, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, trong quá trình tại ngoại bị cáo chấp hành tốt các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 2, 3 Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, cần xử phạt bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Nguyễn Thị L không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên không đặt ra xem xét. Đồng thời chị L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vắng mặt chị L

[9] Về vấn đề khác:

Đối với Phan Mộng H và đối tượng tên Trọng (không rõ lai lịch) đi cùng Nguyễn Văn T đến nhà anh Mạnh, do Cơ quan điều tra chưa làm việc được nên tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 178; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Áp dụng Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T **10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng**. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

